

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B); địa chỉ: T, số A đường T, phường H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số D đường H, phường T, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L, chức vụ: Tổng Giám Đốc;

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Lê H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H1 (Theo Quyết định uỷ quyền số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/07/2024);

- Người được uỷ quyền lại: Bà Hoàng Thị Thùy N, chức vụ: Chuyên viên phòng khách hàng 3 – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H1 (Theo quyết định uỷ quyền số 990/GUQ-BIDV-HUE ngày 06/8/2025).

* Bị đơn: Ông Nguyễn Trường C, sinh ngày 20/10/1971; địa chỉ liên hệ: TDP G, phường H, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Nguyễn Trường Chiến công N1 còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/11/2025 tổng cộng là 358.204.151 đồng. Trong đó nợ gốc là 301.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.793.064 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.098 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 5.515.989 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Đến ngày 31/12/2025, ông Nguyễn Trường C phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) số tiền tổng cộng là 358.204.151 đồng. Trong đó nợ gốc là 301.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.793.064 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.098 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 5.515.989 đồng.

Ông Nguyễn Trường C phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày

08/11/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 01/2023/14417855/HĐTD ngày 07/4/2023 mà các bên đã ký kết.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Trường hợp ông Nguyễn Trường C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ (B) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 274/2, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 166m², tọa lạc tại địa chỉ: TDP G, phường H, thành phố H theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 406133 do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/5/2010, cập nhật thay đổi ngày 24/01/2022 đứng tên ông Nguyễn Trường C, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/14417855/HĐBĐ ngày 03/4/2023, được lập và công chứng tại Văn phòng C1 và hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/14417855/HĐBĐ ngày 03/4/2023.

- Trường hợp sau khi phát mại, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thanh toán số tiền nợ thì ông Nguyễn Trường C phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền còn thiếu cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ, nay không phải nộp.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: $(358.204.151 \text{ đồng} \times 5\%) \times 50\% = 8.955.103 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 8.955.000 đồng).

Ông Nguyễn Trường C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 8.955.000 đồng (*Tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Ngân hàng TMCP Đ (B) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 8.987.000 đồng (*Tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) mà Ngân hàng TMCP Đ (B) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000371 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình